

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 3 - 2025

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Lành

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông PH V D (PHAM DUNG VAN), sinh năm 1967. Địa chỉ thường trú: 13516 CASCADIAN WAY EVERETT WA 98208-7304 USA (MỸ).

Người đại diện của ông PH V D, theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024:
Bà PH H Q, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phú Hưng, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông Ng V H, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/7/2024 của nguyên đơn là ông PH V D và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà PH H Q trình bày:

Ông PH V D với bà Phạm Thị Bảnh là chị em ruột. Trước đây bà Phạm Thị Bảnh với ông Ng V H là vợ chồng. Ngày 19/8/2013, ông Nguyễn Văn Hóa và bà Phạm Thị Bảnh ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 210/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện

Tam Bình, nội dung quyết định là ông Ng V H và bà Phạm Thị Bảnh thuận tình ly hôn; bà Bảnh trực tiếp nuôi 02 con chung là Ng P H K T, sinh ngày 22/7/2007 và Ng P H Đ, sinh ngày 19/12/1999, ông Hóa cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 575.000 đồng cho đến khi cháu Thịnh và Đăng đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung thì ông Hóa và bà Bảnh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào ngày 10/6/2013, ông Nguyễn Văn Hóa và bà Trần Thị Bảnh có làm tờ thỏa thuận như sau:

1. Cha Nguyễn Văn Hóa cho 2 con là Ng P H Đ và Ng P H K T số đất là 3.700m². Phần đất này thỏa thuận giao cho mẹ của 2 đứa con là Phạm Thị Bảnh để đến năm 18 tuổi bàn giao lại cho 2 đứa con tùy điều kiện sử dụng (ngày giao đất tính đến 02 năm kể từ ngày ký thỏa thuận).

2. Phần tiền mượn của anh Dũng (anh vợ của Hóa) 2.000 đô la Mỹ, mỗi bên chịu phân nửa, anh Hóa chỉ trả 1.000 đô la.

3. Phần mua máy quay phim của anh Dũng (anh vợ Hóa) số tiền là 2.000 đô la (mỗi bên chịu phân nửa, anh Hóa chỉ trả 1.000 đô la).

4. Phần tiền Hóa mượn của Ba sẽ trả đủ 4.000.000 đồng, ba vợ là ông Phạm Văn Tám.

Ông Hóa cam kết thực hiện dứt điểm vào cuối năm 2014. Ông Hóa và bà Bảnh ký tên vào tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013. Đến ngày 28/6/2013, Ủy ban nhân dân xã Tân Lộc xác nhận tờ thỏa thuận giữa ông Hóa và bà Bảnh nội dung như đã nêu trên là đúng. Ông Hóa có ghi phụ chú ở cuối tờ thỏa thuận là phần đất trao tặng cho con Ng P H Đ và Ng P H K T nêu trên, ông Hóa cam kết sẽ không cầm cố và không sang bán, kể cả phần nợ 2.000 đô la hứa đến hết năm 2014 sẽ giải quyết dứt điểm.

Đối với phần đất ông Hóa hứa bàn giao cho bà Bảnh để cho 2 con nhưng sau đó ông Hóa không thực hiện nên bà Bảnh đã làm đơn kiện ông Hóa. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 221/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định ông Hóa trả cho bà Bảnh một lần số tiền là 444.000.000 đồng và bà Bảnh không tranh chấp tài sản với ông Hóa, không yêu cầu ông Hóa phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguồn gốc số nợ này là trong thời gian ông Hóa và bà Bảnh còn chung sống. Vào năm 2002 anh ruột bà Bảnh là ông PH V D có mua một máy quay phim hiệu Canon GLI cho Nguyễn Văn Hóa và Phạm Thị Bảnh trị giá 2.000 đô la Mỹ, ông Dũng đưa máy cho ông Hóa nhận. Đến năm 2004, ông Hóa đến mượn ông Dũng 2.000 đô la Mỹ, không tính lãi suất, mục đích cho mượn là để vợ chồng ông Hóa làm ăn, khi nào cần sẽ lấy lại, không nói thời gian trả. Đến khi vợ chồng ông Hóa sắp ly hôn nên mới làm tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013 để phân chia số nợ của ông Dũng là 4.000 đô la Mỹ. Theo như tờ cam kết thì ông Hóa hứa sẽ trả dứt điểm 2.000 đô la Mỹ cho ông Dũng trong năm 2014, ông Dũng đòi nhiều lần nhưng đến nay ông Hóa không trả.

Nay ông Dũng yêu cầu ông Hóa trả cho ông Dũng 2.000 đô la Mỹ, quy ra

tiền Việt Nam là 52.000.000 đồng. Yêu cầu ông Hóa trả tiền lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/7/2014, lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi như sau: 114 tháng x 0,83% = 47.310.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Hóa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và ly hôn giữa ông Hóa và bà Bảnh là đúng như nguyên đơn trình bày. Đến năm 2023, bà Bảnh tranh chấp tài sản với ông Hóa. Ngày 07/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã ra quyết định số 221/2023/QĐST-HNGĐ có nội dung là ông Hóa có trách nhiệm trả cho bà Bảnh 444.000.000 đồng. Sau đó, ông Hóa đã giao cho bà Bảnh đủ 444.000.000 đồng và hai bên không còn tranh chấp tài sản.

Trong thời gian chung sống với bà Bảnh thì vợ chồng không có mượn 2.000 đô la Mỹ của anh vợ là ông PH V D và cũng không nhờ ông Dũng mua một máy quay phim hiệu Canon GLI trị giá 2.000 đô la Mỹ cho ông Hóa và bà Bảnh. Tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013 do nguyên đơn cung cấp là bản pho to, ông yêu cầu cung cấp bản chính để yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết, vì chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Hóa trong tờ thỏa thuận không phải do ông ký và viết họ tên, ông Hóa không biết tờ thỏa thuận này. Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông PH V D.

Tại phiên tòa:

Bà PH H Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Máy quay phim là ông Dũng mua dùm cho vợ chồng ông Hóa vào năm 2002 và cho vợ chồng ông Hóa mượn 2.000 đô la Mỹ vào năm 2004. Thời gian đó là anh em nên không làm biên nhận. Đến năm 2013 vợ chồng ông Hóa ly hôn nên mới làm tờ thỏa thuận phân chia số nợ này, phần nợ của bà Bảnh đã trả xong cho ông Dũng, còn ông Hóa chưa trả cho ông Dũng.

Ông Nguyễn Văn Hóa trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì ông không ký giấy nhận nợ với ông Dũng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 37, Điều 147, Điều 160 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Dung Van (PH V D). Buộc ông Nguyễn Văn Hóa có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Dung Van (PH V D) số tiền 49.510.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Dũng.

- Về án phí: Ông Hóa phải chịu án phí: 2.475.500đ. Ông Dũng phải chịu án phí : 2.365.500đ
- Về chi phí giám định: số tiền 4.276.000đ buộc ông Hóa phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đương sự tranh chấp về quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Quyết định số 210/2013/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự đã giải quyết về ly hôn, con chung giữa ông Nguyễn Văn Hóa và bà Phạm Thị Bảnh, không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ông PH V D trình bày khi vợ chồng ông Hóa sắp ly hôn nên mới làm tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013 để phân chia số nợ của ông Dũng là 4.000 đô la Mỹ. Ông Nguyễn Văn Hóa trình bày trong thời gian chung sống với bà Bảnh thì vợ chồng không có mượn 2.000 đô la Mỹ của anh vợ là ông PH V D và cũng không nhờ ông Dũng mua một máy quay phim hiệu Canon GLI trị giá 2.000 đô la Mỹ cho ông Hóa và bà Bảnh. Tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013 do nguyên đơn cung cấp không phải do ông ký và viết họ tên, ông Hóa không biết tờ thỏa thuận này nên ông yêu cầu giám định.

Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 19/2024/QĐ-TCGD ngày 25/11/2024 đối với đối tượng cần giám định là chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn Hóa dưới mục người nhận trong tờ thỏa thuận lập ngày 10/06/2013 có phải là của ông Nguyễn Văn Hóa hay không.

Kết luận giám định số 811/KL-KTHS ngày 25/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long đã kết luận về đối tượng giám định:

“1. Chữ ký họ tên “Nguyễn Văn Hóa” cần giám định dưới mục “Người nhận” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký họ tên Nguyễn Văn Hóa mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M13 là do cùng một người ký ra.

2. Chữ viết họ tên “Nguyễn Văn Hóa” cần giám định dưới mục “Người nhận” trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Nguyễn Văn Hóa” mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người viết ra.”.

Ông Hóa cho rằng ông không ký nhận nợ của ông Dũng nhưng có căn cứ xác định Tờ thỏa thuận ngày 10/6/2013 là do ông Nguyễn Văn Hóa ký và viết họ tên. Trong tờ thỏa thuận có nội dung là: Phần tiền mượn của anh Dũng (anh vợ của Hóa) 2.000 đô la Mỹ, mỗi bên chịu phân nửa, anh Hóa chỉ trả 1.000 đô la. Phần mua máy quay phim của anh Dũng (anh vợ Hóa) số tiền là 2.000 đô la (mỗi bên chịu phân nửa, anh Hóa chỉ trả 1.000 đô la). Ông Hóa không chứng minh được là đã trả số nợ này cho ông Dũng. Ông Dũng yêu cầu ông Hóa phải có nghĩa vụ trả 2.000 đô la Mỹ là có căn cứ chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn Hóa phải có trách nhiệm trả cho ông PH V D số tiền 49.510.000 đồng (quy đổi từ số tiền 2.000 đô la Mỹ) theo tỷ giá 24.755 đồng/USD (tỷ giá USD ngày 05/3/2025 do Ngân hàng nhà nước công bố là 24.755 đồng/USD). Ông PH V D yêu cầu ông Nguyễn Văn Hóa trả tiền lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/7/2014, lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi như sau: $114 \text{ tháng} \times 0,83\% = 47.310.000 \text{ đồng}$, là không có căn cứ chấp nhận. Vì vi phạm quy định của nhà nước về quản lý ngoại tệ được quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005.

[3] Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Hóa phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 4.276.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Hóa đã nộp tạm ứng số tiền này nên không phải nộp nữa.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Hóa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.475.500 đồng, tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ông PH V D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.365.500 đồng, tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 35, 39, 92, 95, 105, 147, 161 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 280, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông PH V D (PHAM DUNG VAN):

- Buộc ông Nguyễn Văn Hóa có nghĩa vụ trả cho ông PH V D số tiền Việt Nam đồng là 49.510.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm mười ngàn đồng) (là số tiền quy đổi từ số tiền 2.000 USD).

- Không chấp nhận ông PH V D yêu cầu ông Nguyễn Văn Hóa phải trả tiền lãi tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/7/2014, lãi suất 0,83%/tháng, tiền lãi như sau: $114 \text{ tháng} \times 0,83\% = 47.310.000 \text{ đồng}$.

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Hóa phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 4.276.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Hóa đã nộp tạm ứng số tiền này nên không phải nộp nữa.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Hóa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.475.500 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi năm ngàn năm trăm đồng).

- Ông PH V D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.365.500 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi năm ngàn năm trăm đồng). Ông PH V D đã nộp 2.483.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N⁰ 0015115 ngày 08/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên được trừ qua. Còn lại 117.500 đồng (một trăm mười bảy ngàn năm trăm đồng) trả cho ông PH V D.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thanh

Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Văn Dũng

